

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ NGOẠI GIAO

HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

ĐÀO QUYỀN TRƯỞNG

**NGOẠI GIAO CÔNG CHỨC CỦA MỸ VỚI KHU VỰC
TRUNG ĐÔNG VÀ BẮC PHI GIAI ĐOẠN 2001-2016**

Chuyên ngành: Quan hệ quốc tế

Mã số: 9310206

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Hà Nội, năm 2023

Công trình được hoàn thành tại Học viện Ngoại giao

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Thủy
2. PGS.TS. Lê Hải Bình

Phản biện 1: PGS. TS. Nguyễn Nam Dương

Phản biện 2: PGS. TS. Trịnh Thị Xuyên

Phản biện 3: TS. Trần Huyền Trang

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án cấp Học viện họp tại Học viện Ngoại giao vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 16 tháng 05 năm 2023

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

- Thư viện Quốc gia
- Thư viện Học viện Ngoại giao

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Từ sau Chiến tranh Lạnh đến nay, xu hướng chung trong quan hệ quốc tế vẫn là hòa bình, hợp tác và phát triển, tuy nhiên, một số nước vẫn có xu hướng dân túy, dân tộc hẹp hòi, bảo hộ thương mại thực dụng. Trong bối cảnh đó, các quốc gia nhìn nhận văn hóa và hợp tác trong đa dạng văn hóa là một động lực phát triển bền vững và có vai trò quan trọng đối với hòa bình, an ninh nói chung, với sự phát triển, nâng cao vị thế quốc gia nói riêng.

Trong quan hệ quốc tế, Trung Đông và Bắc Phi là một trong những khu vực có vị trí địa chiến lược quan trọng. Đây là khu vực có trữ lượng dầu mỏ lớn, là ngã ba giao thương giữa ba châu lục, là nơi giao thoa của ba tôn giáo lớn. Đối với Mỹ, khu vực này có vị trí địa chiến lược quan trọng và có lợi ích. Vậy sau sự kiện khủng bố 11/9/2001, Mỹ đã sử dụng ngoại giao công chúng ở khu vực Trung Đông và Bắc Phi như thế nào, hướng vào đối tượng nào, tác dụng ra sao? Việc Tổng thống G.W. Bush gắn ngoại giao công chúng với chống khủng bố có tác động tới quan hệ đối ngoại của Mỹ như thế nào, có thúc đẩy quan hệ với thế giới Hồi giáo hay không? Tổng thống B. Obama lên nắm quyền đã kế thừa những gì, đâu là những điểm khác trong chính sách ngoại giao công chúng và tác động của nó ra sao giữa hai thời Tổng thống? Đây là những vấn đề cấp thiết để tìm hiểu, nghiên cứu.

Hoạt động ngoại giao công chúng của Mỹ có những điểm tương đồng, khác biệt nào, mà qua đó có thể gợi mở cho chính sách ngoại giao văn hóa của Việt Nam? Bên cạnh đó, trong mối quan hệ đối ngoại rộng mở, Việt Nam có lợi ích chính trị và kinh tế ngày càng lớn tại khu vực Trung Đông và Bắc Phi. Tuy nhiên, sự khác biệt tương đối lớn về văn hóa khiến việc triển khai ngoại giao văn hóa của

Việt Nam ở khu vực này gặp nhiều khó khăn. Do đó, nghiên cứu chính sách ngoại giao công chúng của Mỹ tại khu vực có thể đưa ra một số hàm ý chính sách cho Việt Nam. Tất cả những vấn đề nêu trên đã tạo động lực để nghiên cứu sinh thực hiện luận án này.

2. Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước

Điểm chung của các công trình trên thế giới nghiên cứu về ngoại giao công chúng Mỹ với khu vực Trung Đông và Bắc Phi là đã lý giải được tại sao Mỹ phải sử dụng công cụ ngoại giao này đối với thế giới Hồi giáo, nhất là sau sự kiện khủng bố 11/9/2001, đồng thời chỉ ra những khó khăn, thách thức và thời cơ, thuận lợi trong việc triển khai công cụ ngoại giao này ở khu vực. Tuy nhiên, các tác giả chưa đi sâu vào phân tích tổng thể liên quan tới chính sách ngoại giao công chúng của Mỹ dưới hai đời Tổng thống Mỹ liên tiếp là Tổng thống G.W. Bush và Tổng thống B. Obama đối với khu vực này.

Đối với các nghiên cứu tại Việt Nam, có thể thấy “ngoại giao công chúng Mỹ” và “khu vực Trung Đông và Bắc Phi” đều là hai chủ đề nhận được sự quan tâm, tìm hiểu, nghiên cứu của nhiều nhà nghiên cứu Việt Nam. Tuy vậy, khi ghép hai chủ đề này lại cùng nhau, ở Việt Nam hầu như chưa có công trình nghiên cứu nào được thực hiện một cách bài bản, công phu.

3. Mục tiêu nghiên cứu của luận án

Nhằm làm rõ nội hàm và quá trình triển khai ngoại giao công chúng Mỹ đối với khu vực Trung Đông và Bắc Phi giai đoạn 2001 - 2016 từ đó làm rõ đặc điểm của ngoại giao công chúng Mỹ với khu vực và rút ra những hàm ý chính sách cho Việt Nam.

Nhiệm vụ nghiên cứu gồm: Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn của ngoại giao công chúng Mỹ đối với khu vực Trung Đông và Bắc Phi giai đoạn 2001 - 2016; Nghiên cứu và đánh giá thực trạng hoạt động

ngoại giao công chúng dưới thời Tổng thống G.W. Bush và Tổng thống B. Obama đối với khu vực Trung Đông và Bắc Phi giai đoạn 2001 - 2016; So sánh thực tiễn triển khai ngoại giao công chúng dưới thời Tổng thống G.W. Bush và Tổng thống B. Obama với khu vực Trung Đông và Bắc Phi; Đánh giá và rút ra những đặc điểm của ngoại giao công chúng của Mỹ ở khu vực Trung Đông và Bắc Phi, nhận diện các khuynh hướng ngoại giao công chúng lớn của Mỹ từ 2017 đến nay và rút ra một số hàm ý chính sách cho công tác ngoại giao văn hóa của Việt Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

Luận án tập trung vào các loại hình hoạt động ngoại giao công chúng Mỹ ở khu vực Trung Đông và Bắc Phi qua hai chính quyền Tổng thống G.W. Bush và Tổng thống B. Obama.

Phạm vi không gian: gồm 20 quốc gia cụ thể sau: An-giê-ri, Ba-ranh, Ai Cập, I-ran, I-rắc, I-xra-en, Gioóc-đa-ni, Cô-oét, Li-băng, Li-bi, Ma-rốc, Ô-man, Pa-le-xtin, Ca-ta, Ả-rập Xê-út, Xy-ri, Tuy-ni-di, các Tiểu Vương Quốc Ả-rập Thống Nhất, Y-ê-men và Thổ Nhĩ Kỳ.

Phạm vi thời gian: giai đoạn 2001-2016, đồng thời tìm hiểu khuynh hướng ngoại giao công chúng Mỹ từ 2017 đến nay để có sự kết nối với thời điểm hiện tại.

Phạm vi nội dung nghiên cứu bao gồm các hoạt động ngoại giao công chúng của Mỹ đối với khu vực Trung Đông và Bắc Phi trong giai đoạn 2001 - 2016.

5. Phương pháp nghiên cứu:

Luận án sử dụng các phương pháp: phương pháp luận; phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế; phương pháp phân tích chính sách đối ngoại; phương pháp lịch sử; phương pháp so sánh; phương pháp tổng hợp; phương pháp nghiên cứu trường hợp; phương pháp phỏng vấn chuyên gia.

6. Những đóng góp của luận án

Về phương diện khoa học: Đây là công trình nghiên cứu đầu tiên về ngoại giao công chúng Mỹ với khu vực Trung Đông và Bắc Phi từ góc nhìn của Việt Nam.

Về phương diện thực tiễn: Luận án sẽ bổ sung nguồn tài liệu tham khảo về chính trị và quan hệ quốc tế liên quan tới chính sách ngoại giao công chúng của Mỹ giai đoạn 2001-2016 nhằm phục vụ cho sinh viên, giảng viên, các nhà nghiên cứu, học giả, nhà ngoại giao có quan tâm tới lĩnh vực này.

7. Bố cục của luận án

Ngoài các phần mở đầu, kết luận, danh mục tham khảo và phụ lục, bố cục của luận án gồm ba chương chính, cụ thể:

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn của ngoại giao công chúng của Mỹ với khu vực Trung Đông và Bắc Phi giai đoạn 2001-2016. Chương này tập trung phân tích cơ sở lý luận bao gồm lý thuyết, khái niệm, định nghĩa, quan điểm, cách tiếp cận của ngoại giao công chúng trên thế giới và của Mỹ, từ đó lý giải mức độ quan trọng và sự quan tâm của Mỹ đối với công cụ này trong chính sách đối ngoại. Chương 1 cũng phân tích cơ sở thực tiễn bao gồm tình hình khu vực Trung Đông và Bắc Phi, những yếu tố tác động thúc đẩy ngoại giao công chúng Mỹ sau sự kiện khủng bố 11/9/2001, đồng thời lý giải tầm quan trọng của hình thức ngoại giao công chúng trong chính sách đối ngoại của Mỹ với khu vực Trung Đông và Bắc Phi.

Chương 2: Thực tiễn hoạt động ngoại giao công chúng của các chính quyền Mỹ ở Trung Đông và Bắc Phi giai đoạn 2001-2016. Chương này tổng hợp và phân tích các mục tiêu, quan điểm, chính sách, các hoạt động ngoại giao công chúng dưới thời Tổng thống G.

W. Bush và dưới thời Tổng thống B. Obama đối với khu vực Trung Đông và Bắc Phi.

Chương 3: Đánh giá ngoại giao công chúng của Mỹ ở khu vực Trung Đông và Bắc Phi và một số hàm ý chính sách cho Việt Nam. Chương này đánh giá thành công và hạn chế của ngoại giao công chúng Mỹ với khu vực Trung Đông và Bắc Phi giai đoạn 2001 - 2016, so sánh và rút ra đặc điểm ngoại giao công chúng của chính quyền Tổng thống G.W. Bush và chính quyền Tổng thống B. Obama, đồng thời nhận diện xu hướng lớn của công tác này của Mỹ từ năm 2017 đến nay cũng như đưa ra một số hàm ý chính sách cho công tác ngoại giao văn hóa của Việt Nam.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN NGOẠI GIAO CÔNG CHỨNG MỸ VỚI KHU VỰC TRUNG ĐÔNG VÀ BẮC PHI GIAI ĐOẠN 2001-2016

Chương 1 gồm hai nội dung chính: Cơ sở lý luận và Cơ sở thực tiễn liên quan tới ngoại giao công chúng của Mỹ đối với khu vực Trung Đông và Bắc Phi giai đoạn 2001-2016. Phần Cơ sở lý luận được bố cục gồm hai nội dung: (i) Lý luận về ngoại giao công chúng và các khái niệm liên quan; (ii) Lý luận mối quan hệ giữa ngoại giao công chúng và sức mạnh mềm. Phần Cơ sở thực tiễn được bố cục gồm bốn nội dung: (i) Khái quát lịch sử ngoại giao công chúng Mỹ trước năm 2001; (ii) Tình hình khu vực và chính sách của Mỹ với Trung Đông và Bắc Phi; (iii) Những yếu tố thúc đẩy hoạt động ngoại giao công chúng Mỹ sau sự kiện khủng bố 11/9/2001; (iv) Khung phân tích của luận án.

Sau khi tìm hiểu các lý luận liên quan tới ngoại giao công chúng Mỹ có thể nhận định rằng ngoại giao công chúng là một công cụ quan trọng để các quốc gia truyền đạt các chính sách, giá trị và văn hóa của mình tới công chúng ở trong và ngoài nước. Ngoại giao công chúng gồm các mục tiêu chính: quảng bá hình ảnh và uy tín của một quốc gia; thúc đẩy sự hiểu biết và tin tưởng lẫn nhau; vận động cho các chính sách và quan điểm của một quốc gia; tăng cường quan hệ kinh tế và văn hóa. Năm là, chống lại thông tin sai lệch và tuyên truyền.

Khi nghiên cứu mối quan hệ giữa ngoại giao công chúng với sức mạnh mềm, ngoại giao văn hóa có thể thấy mối quan hệ mật thiết giữa sức mạnh mềm và ngoại giao văn hóa, ngoại giao nhân dân. Trong đó, ngoại giao công chúng là một công cụ quan trọng để đạt được sức mạnh mềm, vì nó liên quan đến sự tương tác với công

chúng nước ngoài để xây dựng mối quan hệ, thúc đẩy sự hiểu biết và nâng cao hình ảnh cũng như uy tín của một quốc gia. Các hoạt động ngoại giao công chúng có thể nâng cao sức mạnh mềm của một quốc gia bằng cách thể hiện các giá trị, văn hóa và lối sống của quốc gia đó. Trong khi đó, ngoại giao nhân dân và ngoại giao công chúng cũng có mối liên hệ chặt chẽ và trong một số trường hợp cụ thể được sử dụng thay thế cho nhau, vì chúng có chung mục tiêu là thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau và xây dựng mối quan hệ giữa các quốc gia.

Khi nghiên cứu về ngoại giao công chúng Mỹ có thể thấy ba đặc điểm bao gồm: Một là, với vị trí, vai trò là một quốc gia siêu cường trong quan hệ quốc tế cùng với vị trí và tầm ảnh hưởng toàn cầu, do đó chính sách ngoại giao nói chung và ngoại giao công chúng nói riêng của Mỹ cũng mang tính toàn cầu. Hai là, ngoại giao công chúng được đặt dưới sự quản lý, điều hành của Bộ Ngoại giao, do vậy công cụ ngoại giao này chủ yếu do Bộ Ngoại giao đảm nhiệm. Ba là, đối tượng của ngoại giao công chúng Mỹ được xác định là công chúng nước ngoài bao gồm cả giới lãnh đạo và công chúng các nước, đồng thời ngoại giao công chúng Mỹ cũng hướng tới công chúng trong nước, theo hướng công chúng vừa là đối tượng thụ hưởng chính sách, đồng thời là nguồn lực tham gia vào việc thực hiện.

Để làm rõ các vấn đề đặt ra trong mục tiêu nghiên cứu, luận án xác định khung phân tích như sau: Thứ nhất, để tìm hiểu, làm rõ mục tiêu của ngoại giao công chúng Mỹ trong giai đoạn 2001-2016 đối với khu vực Trung Đông và Bắc Phi, luận án sẽ xem xét các văn bản quan trọng có liên quan đến ngoại giao công chúng được các chính quyền Tổng thống G.W. Bush và Tổng thống B. Obama ban hành. Đồng thời để xác định được mục tiêu cụ thể của ngoại giao công chúng đối với khu vực Trung Đông và Bắc Phi cần dựa vào bối cảnh, tình hình chung

của thế giới và của nước Mỹ, từ đó xem xét tác động đến việc ra các chính sách, chương trình ngoại giao công chúng của Mỹ.

Thứ hai, để hiểu rõ chính sách và nguồn lực ngoại giao công chúng của hai chính quyền Tổng thống Mỹ trong giai đoạn 2001-2016 đối với khu vực Trung Đông và Bắc Phi, luận án tìm hiểu, phân tích các Chiến lược, Đạo luật, chính sách liên quan được ban hành trong mỗi giai đoạn cụ thể. Đây là những cơ sở quan trọng để nhận biết chính sách ngoại giao công chúng của Mỹ đối với khu vực. Về nguồn lực, luận án tìm hiểu bộ máy thực thi ngoại giao công chúng, trong đó có việc bổ nhiệm các Thứ trưởng ngoại giao phụ trách ngoại giao công chúng. Về ngân sách, luận án dựa trên cơ sở các Báo cáo tài chính hàng năm giai đoạn 2001-2016 để phân tích chi tiêu ngân sách dành cho ngoại giao công chúng.

Thứ ba, để tìm hiểu hoạt động ngoại giao công chúng triển khai trên thực tế dưới chính quyền của hai Tổng thống Mỹ giai đoạn 2001-2016 đối với khu vực Trung Đông và Bắc Phi, luận án sẽ xem xét bốn nội dung gồm: các hoạt động của cá nhân Tổng thống; các hoạt động thông tin; các hoạt động trao đổi văn hóa, giáo dục và các sáng kiến về ngoại giao công chúng. Tuy không phân chia rạch ròi nhưng vẫn thể hiện được các cấp độ khác của ngoại giao công chúng, cụ thể ở cấp độ cá nhân, nhà nước, các tổ chức ngoài nhà nước. Đối với việc thực thi ngoại giao công chúng ở cấp độ cá nhân Tổng thống, luận án sẽ dựa vào các phát biểu trong những sự kiện quan trọng như lễ nhậm chức, lễ chia tay kết thúc nhiệm kỳ, các diễn văn và hoạt động trong các chuyến thăm của Tổng thống G.W. Bush và Tổng thống B. Obama tới các nước Trung Đông và Bắc Phi. Ở cấp độ nhà nước và sự tham gia của các nguồn lực xã hội có thể thấy thông qua nội dung trao đổi thông tin, văn hóa, giáo dục. Trong đó có những hoạt động do nhà nước chủ trì, có hoạt động do tư nhân phụ

trách. Đồng thời thông qua phân tích các sáng kiến của mỗi Tổng thống cũng chính là nghiên cứu các trường hợp (case study) của ngoại giao công chúng Mỹ với khu vực.

Thứ tư, để đánh giá kết quả của các chính sách, hoạt động ngoại giao công chúng của Mỹ đối với khu vực Trung Đông và Bắc Phi trong giai đoạn này có nhiều tiêu chí và cách thức, tuy nhiên luận án sẽ dựa trên các tiêu chí sau: (i) hiệu quả trong việc đạt được các mục tiêu chính sách ngoại giao công chúng đã đề ra; (ii) phạm vi tiếp cận và tác động; (iii) hiệu quả chi phí nguồn nhân lực và tài chính; (iv) phản hồi của công chúng; (v) tác động dài hạn. Trên cơ sở đánh giá, luận án sẽ so sánh những điểm tương đồng và khác biệt giữa việc thực hiện ngoại giao công chúng của chính quyền Tổng thống G.W. Bush và Tổng thống B. Obama từ đó rút ra các đặc điểm ngoại giao công chúng Mỹ với khu vực Trung Đông và Bắc Phi giai đoạn này.

CHƯƠNG 2

THỰC TIỄN HOẠT ĐỘNG NGOẠI GIAO CÔNG CHỨNG CỦA CÁC CHÍNH QUYỀN MỸ VỚI KHU VỰC TRUNG ĐÔNG VÀ BẮC PHI GIAI ĐOẠN 2001-2016

Chương 2 gồm hai nội dung chính là: ngoại giao công chúng Mỹ với khu vực Trung Đông và Bắc Phi dưới thời Tổng thống G.W. Bush và ngoại giao công chúng Mỹ với khu vực Trung Đông và Bắc Phi dưới thời Tổng thống B. Obama. Trong đó, các phần đều được bố cục gồm: (i) Chính sách ngoại giao công chúng; (ii) Nguồn lực ngoại giao công chúng; (iii) Thực tiễn triển khai ngoại giao công chúng.

Sau khi nghiên cứu có thể thấy mục tiêu chính sách đối ngoại dưới chính quyền Tổng thống G.W. Bush được thể hiện thông qua Chiến lược An ninh Quốc gia năm 2002 và Chiến lược An ninh Quốc gia năm 2006. Dựa trên hai bản Chiến lược này có thể nhận thấy mục tiêu chung của ngoại giao công chúng của chính quyền Tổng thống G.W. Bush là tập trung vào việc thúc đẩy các mục tiêu chính sách đối ngoại của Mỹ thông qua giao tiếp và tương tác với công chúng nước ngoài, trong đó các mục tiêu cụ thể gồm: (i) phục vụ mục tiêu chống khủng bố; (ii) thúc đẩy dân chủ; (iii) nâng cao hình ảnh nước Mỹ.

Qua nghiên cứu có thể thấy mục tiêu chính của ngoại giao công chúng của chính quyền Tổng thống G.W. Bush đối với Trung Đông và Bắc Phi gồm: (i) Hỗ trợ cuộc chiến chống khủng bố. Ngoại giao công chúng được coi là một công cụ để chống lại những nhận thức tiêu cực về Mỹ trong khu vực và giảm hỗ trợ cho chủ nghĩa khủng bố bằng cách thúc đẩy sự hiểu biết và hợp tác; (ii) Thúc đẩy dân chủ, với mục tiêu khuyến khích cải cách chính trị và tham gia chính trị nhiều hơn của người dân ở Trung Đông và Bắc Phi; (iii) Giải quyết các xung đột khu vực; (iv) Hỗ trợ phát triển kinh tế; (v) Thúc đẩy sự hiểu

biết về văn hóa. Trong số năm mục tiêu nêu trên, mục tiêu chống lại những nhận thức tiêu cực về Mỹ và giảm hỗ trợ cho chủ nghĩa khủng bố là một nhiệm vụ mới của ngoại giao công chúng. Mục tiêu này được bổ sung sau sự kiện khủng bố 11/9/2001.

Từ mục tiêu trên, chính quyền Tổng thống G.W. Bush đã có sự quan tâm nhất định đối với việc củng cố bộ máy nhân sự, tăng cường nguồn lực tài chính cho các hoạt động ngoại giao công chúng ở khu vực Trung Đông và Bắc Phi. Ngân sách dành cho ngoại giao công chúng dưới thời chính quyền Tổng thống G.W. Bush đã có sự gia tăng đáng kể về kinh phí cho ngoại giao công chúng. Ngân sách cho ngoại giao công chúng đã tăng hơn gấp đôi từ 1,2 tỷ USD năm 2001 lên 2,1 tỷ USD năm 2008. Ngân sách dành cho ngoại giao công chúng đối với khu vực Trung Đông và Bắc Phi cũng được tăng cường thông qua các chương trình ngoại giao công chúng.

Luận án cũng lựa chọn phân tích trường hợp (case study) về sáng kiến “Sáng kiến Ngôn ngữ An ninh Quốc gia (National Security Language Initiative - NSLI) được Tổng thống G.W. Bush thực hiện từ năm 2006. Mục tiêu chung của NSLI là “củng cố hơn nữa an ninh và thịnh vượng quốc gia thông qua giáo dục, đặc biệt là phát triển các kỹ năng ngoại ngữ v.v. Tựu chung, Sáng kiến NSLI có một số kết quả tích cực như: hỗ trợ đáng kể cho việc dạy và học tiếng Ả-rập ở Mỹ; giúp cải thiện hiểu biết về văn hóa giữa Mỹ với khu vực Trung Đông và Bắc Phi; nâng cao trình độ thông thạo ngôn ngữ trong các ngôn ngữ quan trọng như tiếng Ả-rập. Tuy vậy, NSLI cũng có một số hạn chế, do chỉ tập trung vào một số ngôn ngữ nhất định, hơn nữa ngân sách dành cho các hoạt động cũng phụ thuộc vào yếu tố kinh tế, chính trị của từng thời điểm và với từng nước.

Trên cơ sở kết quả của người tiền nhiệm, Tổng thống B. Obama đã dành sự quan tâm và tiếp tục triển khai ngoại giao công chúng ở

khu vực Trung Đông và Bắc Phi. Giống như Tổng thống G.W. Bush, các quan điểm, định hướng về ngoại giao công chúng của Tổng thống B. Obama được thể hiện cụ thể thông qua hai bản Chiến lược An ninh Quốc gia năm 2010 và năm 2015, thông qua các tuyên bố, thông điệp cá nhân của Tổng thống. Từ việc khảo cứu các tài liệu có thể thấy các mục tiêu chính của ngoại giao công chúng dưới thời chính quyền Tổng thống B. Obama bao gồm: (i) Tăng cường mối quan hệ của Mỹ với các quốc gia khác; (ii) Thúc đẩy các giá trị và văn hóa Mỹ; (iii) Chống lại những nhận thức tiêu cực về Mỹ; (iv) Tương tác với công chúng nước ngoài; (v) Thúc đẩy ngoại giao kinh tế.

Đối với khu vực Trung Đông và Bắc Phi, mục tiêu chính của ngoại giao công chúng dưới thời chính quyền Tổng thống B. Obama bao gồm: (i) Hỗ trợ chống lại chủ nghĩa cực đoan bạo lực; (ii) Thúc đẩy sự ổn định và cải cách dân chủ; (iii) Nhằm mục tiêu khuyến khích phát triển kinh tế; (iv) Xây dựng mối quan hệ bền chặt hơn với người dân khu vực Trung Đông và Bắc Phi; (v) Thúc đẩy nhân quyền và trao quyền cho phụ nữ.

Từ mục tiêu trên, chính quyền Tổng thống B. Obama đã dành sự quan tâm hơn tới công tác củng cố bộ máy và nguồn lực tài chính để triển khai công tác ngoại giao công chúng. Trong tám năm nhiệm kỳ, chính quyền Tổng thống B. Obama đã bổ nhiệm năm quan chức phụ trách ngoại giao công chúng và thời gian trống vị trí lãnh đạo quan trọng trong bộ máy ngoại giao công chúng dưới nhiệm kỳ của Tổng thống B. Obama ít hơn nhiều so với người tiền nhiệm là Tổng thống G.W. Bush. Về nguồn lực tài chính dành cho ngoại giao công chúng ở giai đoạn này cũng tăng, trung bình cao hơn giai đoạn trước và ổn định ở mức khoảng 2 tỷ USD.

Luận án cũng lựa chọn phân tích trường hợp (case study) với sáng kiến “*Chương trình Trao đổi Lãnh đạo Thanh niên I-rắc*”

(IYLEP) dành cho sinh viên đại học và được tài trợ bởi Chính phủ Mỹ với thời gian bốn tuần đào tạo về lãnh đạo được tài trợ hoàn toàn cho những sinh viên tài năng từ I-rắc. Mục tiêu của chương trình IYLEP là thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau và xây dựng mối quan hệ giữa những người trẻ tuổi từ I-rắc và Mỹ. Từ nghiên cứu có thể thấy trong việc triển khai sáng kiến ở khu vực, Tổng thống B. Obama cũng gặp một số hạn chế xuất phát từ sự bất ổn chính trị ở khu vực.

CHƯƠNG 3

ĐÁNH GIÁ NGOẠI GIAO CÔNG CHÚNG CỦA MỸ VỚI KHU VỰC TRUNG ĐÔNG VÀ BẮC PHI GIAI ĐOẠN 2001-2016 VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH CHO VIỆT NAM

Chương 3 gồm ba nội dung chính là: Đánh giá hoạt động ngoại giao công chúng dưới chính quyền Tổng thống G.W. Bush và Tổng thống B. Obama với khu vực Trung Đông và Bắc Phi giai đoạn 2001-2016; Khuynh hướng ngoại giao công chúng Mỹ từ 2017 đến nay; và Hàm ý chính sách cho ngoại giao văn hóa của Việt Nam. Nội dung 1 được bố cục thành hai giai đoạn, gắn với hai Tổng thống, đồng thời có sự so sánh giữa hai giai đoạn này từ đó tìm ra đặc điểm của từng thời kỳ. Nội dung 2 được bố cục thành hai nội dung gồm: ngoại giao công chúng dưới chính quyền Tổng thống D. Trump và Tổng thống J. Biden. Nội dung 3 đưa ra một số hàm ý chính sách cho ngoại giao văn hóa của Việt Nam.

Để đánh giá thành công và hạn chế của ngoại giao công chúng Mỹ, dựa trên tiêu chí đã nêu trong khung phân tích có thể đưa ra những nhận định sau: Điểm tích cực của chính quyền Tổng thống G.W. Bush là đã định vị trở lại vai trò quan trọng của ngoại giao công chúng, đồng thời cơ bản có sự phản ứng phù hợp trong việc đầu tư nguồn lực để tăng cường công tác này trong chính sách đối ngoại với khu vực Trung Đông và Bắc Phi. Điểm hạn chế của chính quyền G.W. Bush là phương pháp tiếp cận với công chúng khu vực còn nhiều bất cập, có thời điểm đồng nhất công chúng Hồi giáo, Hồi giáo cực đoan với chủ nghĩa khủng bố. Trong khi thành công của chính quyền Tổng thống B. Obama là cách tiếp cận hài hòa, khéo léo và được công chúng khu vực đón nhận. Mặc dù, dưới thời Tổng thống

B. Obama hình ảnh nước Mỹ ở Trung Đông và Bắc Phi được cải thiện nhưng chưa thực sự như kỳ vọng.

Luận án cũng tiến hành so sánh ngoại giao công chúng Mỹ dưới thời Tổng thống G.W. Bush và Tổng thống B. Obama trên các nội dung mục tiêu, cách tiếp cận, đối tượng, thông điệp, công cụ và kết quả, từ đó rút ra một số đặc điểm của ngoại giao công chúng giai đoạn này. Có thể thấy ngoại giao công chúng của Mỹ giai đoạn 2001-2016 có những đặc điểm giống với ngoại giao công chúng nói chung của các nước khác trên thế giới và của chính nước Mỹ trong các giai đoạn khác nhau. Cụ thể ngoại giao công chúng là một bộ phận của ngoại giao nhà nước, đồng thời mang tính toàn cầu do Mỹ là một siêu cường. Trong giai đoạn 2001-2008, ngoại giao công chúng Mỹ với khu vực Trung Đông và Bắc Phi thể hiện tính thích ứng, chuyển từ bị động, lúng túng dần sang thể chủ động và mang tính “tiên phong”, hỗ trợ đắc lực cho chính sách chống khủng bố mà Mỹ tiến hành chủ yếu ở khu vực Trung Đông và Bắc Phi. Với giai đoạn 2009-2016, ngoại giao công chúng Mỹ mang tính “mềm mại” trong việc tiếp cận với công chúng Trung Đông và Bắc Phi, đồng thời mang tính phục vụ, tăng cường cho sức mạnh thông minh.

Trên cơ sở nghiên cứu ngoại giao công chúng dưới thời Tổng thống G.W. Bush và Tổng thống B. Obama với khu vực Trung Đông và Bắc Phi và thông qua tìm hiểu về ngoại giao công chúng dưới thời chính quyền Tổng thống D. Trump và Tổng thống J. Biden có thể dự đoán những khuynh hướng lớn về ngoại giao công chúng của Mỹ nói chung và với khu vực Trung Đông và Bắc Phi nói riêng, cụ thể: Thứ nhất, các hoạt động ngoại giao công chúng của Mỹ sẽ tiếp tục được coi trọng và là một công cụ quan trọng trong chính sách đối ngoại nhằm duy trì ảnh hưởng, tăng cường vị thế cường quốc số một của Mỹ trên thế giới. Thứ hai, Mỹ sẽ tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu của

khoa học công nghệ cho công tác thông tin, tuyên truyền và từng bước định hướng công chúng. Thứ ba, các hoạt động ngoại giao công chúng của Mỹ trong thời gian tới sẽ được triển khai theo tinh thần chia sẻ trách nhiệm, tạo gắn kết thông qua các sáng kiến.

Trên cơ sở nghiên cứu ngoại giao công chúng của Mỹ, luận án rút ra một số hàm ý chính sách cho ngoại giao văn hóa của Việt Nam:

Thứ nhất về quan điểm: ngoại giao văn hóa cần được tiếp tục xác định là một phương thức ngoại giao quan trọng trong thành phần ngoại giao toàn diện, hiện đại, nhất là trong bối cảnh Việt Nam đang tiến hành chính sách hội nhập quốc tế sâu rộng trên mọi lĩnh vực. Quan điểm này cần được nhận thức, quán triệt rộng khắp trong tất cả các bộ, ban, ngành, địa phương, các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, những lực lượng triển khai công tác ngoại giao văn hóa. Bởi lợi ích mang lại của công tác ngoại giao văn hóa có thể không nhanh chóng, không trực tiếp giống như hiệu quả của các hiệp định, thỏa thuận, các dự án, hợp đồng v.v. mà công tác ngoại giao kinh tế mang lại. Tác động của ngoại giao văn hóa thường có độ trễ nhất định.

Thứ hai về mục tiêu: Mục tiêu tổng quan, xuyên suốt của ngoại giao công chúng Mỹ là nhằm phục vụ mục tiêu đối ngoại, thúc đẩy lợi ích quốc gia và tăng cường an ninh quốc gia thông qua việc tác động tới công chúng nước ngoài và thông qua các biện pháp mở rộng, củng cố mối quan hệ giữa công chúng và chính phủ Mỹ với công chúng và chính phủ trên thế giới. Tuy nhiên ở từng giai đoạn, từng đối tượng, mục tiêu ngoại giao công chúng của Mỹ cũng có sự khác nhau. Trong giai đoạn hiện nay, ngoại giao văn hóa của Việt Nam cần phải được gắn kết một cách chặt chẽ với các nhiệm vụ đối ngoại lớn của đất nước, cụ thể là “phát huy vai trò tiên phong của đối ngoại trong việc tạo lập và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, huy động các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao vị

thế và uy tín của đất nước”, “bảo vệ đất nước từ sớm, từ xa” và “khơi dậy khát vọng phát triển đất nước”. Ngoại giao văn hóa Việt Nam cần tạo ra câu chuyện văn hóa hấp dẫn từ chính các giá trị văn hóa dân tộc đã được công chúng thừa nhận và được tổ chức UNESCO ghi danh như các di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới tại Việt Nam, các di sản văn hóa phi vật thể, di sản tư liệu thế giới của Việt Nam, hay thông qua ẩm thực, âm nhạc, võ thuật, y dược cổ truyền v.v. để quảng bá hình ảnh đất nước, văn hóa Việt Nam. Ngoại giao văn hóa cũng cần tham gia vào quá trình xây dựng và tuyên truyền “hệ giá trị văn hóa” Việt Nam. Bên cạnh đó, với mỗi giai đoạn, ngoại giao văn hóa Việt Nam cũng cần đặt mục tiêu cụ thể hơn từ đó tạo điều kiện để triển khai có trọng tâm, trọng điểm hơn đối với những vấn đề, lĩnh vực, đối tác mà Việt Nam hướng tới. Ví dụ, giai đoạn 2011-2020, ngoại giao văn hóa đặt trọng tâm vào các mục tiêu mở đường, khai thông, tăng cường quan hệ và quảng bá hình ảnh quốc gia, thì gian đoạn 2021-2030 cần tập trung hơn vào việc chủ động hội nhập trên lĩnh vực văn hóa, đẩy mạnh hơn nhiệm vụ tiếp thu tinh hoa văn hóa, tri thức, kinh nghiệm của nhân loại để làm giàu kho tàng văn hóa Việt Nam. Do đó, các cơ quan chức năng của Việt Nam cần đặt chỉ tiêu cụ thể về ngoại giao văn hóa cho 10 năm tới. Ví dụ đến năm 2030, Việt Nam sẽ tổ chức được bao nhiêu sự kiện ngoại giao văn hóa có quy mô lớn ở cấp khu vực và quốc tế; bao nhiêu cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài xây dựng được “Góc Việt Nam” hoặc “Không gian Việt Nam” ở các nước; bao nhiêu tỉnh, thành phố của Việt Nam có các sự kiện ngoại giao văn hóa lớn thường niên; và có bao nhiêu người Việt Nam ứng cử, tham gia vào các vị trí lãnh đạo tại các diễn đàn văn hóa, khoa học, giáo dục v.v. của khu vực và thế giới. Những mục tiêu cụ thể này sẽ là cơ sở định lượng để đánh giá kết quả ngoại giao văn hóa của Việt Nam.

Thứ ba về biện pháp: Ngoại giao văn hóa, thời gian tới, cần khai thác thêm sự ảnh hưởng của các nhân vật nổi tiếng người Việt ở tầm khu vực, quốc tế hoặc thông qua các nhân vật nổi tiếng người nước ngoài để quảng bá, lan tỏa các thông điệp ngoại giao văn hóa của Việt Nam. Đồng thời, Việt Nam cũng cần đầu tư hơn nữa cho việc đề xuất các sáng kiến về ngoại giao văn hóa mang tầm khu vực, quốc tế hay vận động các tổ chức quốc tế về văn hóa, giáo dục, khoa học v.v. chọn Việt Nam làm địa điểm đặt trụ sở, văn phòng, tăng cường đăng cai tổ chức các sự kiện quốc tế, khu vực có quy mô liên quan tới lĩnh vực này qua đó nâng cao uy tín, ảnh hưởng của Việt Nam với thế giới. Từ mô hình của Mỹ, thành lập Ủy ban tư vấn ngoại giao công chúng Mỹ (USACPD), Việt Nam cũng có thể tính tới việc thành lập một Hội đồng hoặc Ủy ban quốc gia về tư vấn ngoại giao văn hóa, tương tự như mô hình hoạt động của Hội đồng Di sản Văn hóa Quốc gia (cơ quan tư vấn giúp Thủ tướng Chính phủ về những vấn đề quan trọng liên quan đến việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá) hiện nay. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng cần tăng cường hơn nữa ứng dụng khoa học công nghệ thế hệ mới, kết hợp với mở rộng hoạt động thông tin, truyền thông đa phương tiện.

Thứ tư về nguồn lực: Do Việt Nam hiện có ba chiến lược do ba cơ quan Nhà nước chủ trì, bao gồm: Chiến lược Ngoại giao văn hóa do Bộ Ngoại giao chủ trì, Chiến lược Văn hóa đối ngoại do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì và Chiến lược Thông tin đối ngoại do Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì. Cả ba chiến lược trên đều được triển khai tích cực theo thế mạnh riêng của từng cơ quan. Tuy vậy, việc triển khai riêng lẻ sẽ khó tạo dựng được sức mạnh tổng hợp, thậm chí chòng chéo, gây lãng phí về nguồn lực. Trong trường hợp không đồng nhất ba chiến lược nêu trên thành một chiến lược chung thì cần có một cơ chế để đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả

giữa ba cơ quan, trong đó, ngành ngoại giao là “nhạc trưởng”. Bên cạnh đó, việc triển khai ngoại giao văn hóa Việt Nam đã được xác định là “nhiệm vụ chung của cả hệ thống chính trị”. Ngoài ra, cần tính tới việc hình thành các quỹ hỗ trợ cho ngoại giao văn hóa theo mô hình “Foundation” có sự đóng góp của Nhà nước và các đối tác khác (doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước). Đồng thời có thể nhân rộng mô hình “Nhà nước bảo trợ, tư nhân triển khai” trong các hoạt động ngoại giao văn hóa.

Thứ năm về công tác đánh giá kết quả: Việt Nam cần xây dựng các công cụ để đánh giá về tính hiệu quả, lắng nghe phản ứng của công chúng, người dân để từ đó định vị chính xác được hình ảnh, uy tín Việt Nam trên trường quốc tế. Phương pháp này có thể thực hiện thông qua hình thức thăm dò, phỏng vấn như cách triển khai của Mỹ.

Ngoài ra, có thể vận dụng một số hàm ý chính sách cho công tác ngoại giao văn hóa với khu vực Trung Đông và Bắc Phi như sau:

Thứ nhất về quan điểm: Sự khác biệt về văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo, truyền thống, quan điểm v.v. đang là rào cản kiềm chế sự hợp tác giữa Việt Nam và khu vực. Do vậy, bên cạnh các hoạt động ngoại giao chính trị, ngoại giao kinh tế, Việt Nam cần xác định quan điểm nhất quán trong việc tăng cường hơn nữa các hoạt động ngoại giao văn hóa nhằm thu hẹp khoảng cách khác biệt, tạo cơ hội để nhân dân hai bên tìm hiểu, chia sẻ lẫn nhau về văn hóa, nghệ thuật, thời trang, lối sống và những tư tưởng, quan điểm về nhân sinh quan, thế giới quan của mỗi bên.

Thứ hai về cách tiếp cận: Việt Nam cần phải nghiên cứu một cách đầy đủ, thấu đáo các yếu tố về văn hóa, thói quen, sở thích, phong tục, những điều cấm kỵ. Ví dụ, với địa bàn I-xra-en, Việt Nam có thể thúc đẩy ngoại giao văn hóa thông qua lĩnh vực du lịch kết hợp tìm hiểu về văn hoá truyền thống, ẩm thực. Trong cuộc phỏng vấn,

Đại sứ Việt Nam tại I-xra-en Lý Đức Trung cho biết: “người Israel ưa thích du lịch tìm tòi, khám phá văn hoá một cách có chiều sâu, do vậy trong hoạt động ngoại giao văn hóa cần giới thiệu sâu sắc, có câu chuyện văn hóa, tạo sự kích thích, thay vì quảng bá đơn thuần về cảnh quan, danh lam thắng cảnh, ẩm thực truyền thống”.

Thứ ba về các giải pháp: Việt Nam cần có những chủ đề, chương trình lớn, khai thác được các thế mạnh của mình để tiếp cận với công chúng khu vực. Bên cạnh công cụ văn hóa như hội họa, biểu diễn nghệ thuật, văn học v.v cần quan tâm hơn tới lĩnh vực thể thao, du lịch đây là những lĩnh vực mà các nước Trung Đông và Bắc Phi hiện nay đang thúc đẩy.

Thứ tư về nguồn lực: Cần chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ am hiểu về văn hóa và biết ngôn ngữ của các nước Trung Đông và Bắc Phi. Đồng thời trong các hoạt động cần kêu gọi sự tham gia của các doanh nghiệp Việt Nam vì khu vực này còn nhiều dư địa, tiềm năng để hai bên hợp tác trên các lĩnh vực thương mại, du lịch, đầu tư, mở rộng thị trường. Ngoài ra, các cơ quan nhà nước Việt Nam cũng cần chú trọng tới vấn đề đưa người Việt Nam sang lao động tại khu vực Trung Đông và Bắc Phi, bởi trong thời gian dài có thể mong muốn gia nhập Hồi giáo cực đoan với những nhận thức lệch lạc.

Thứ năm, ứng xử với người Hồi giáo tại Việt Nam: Hồi giáo được truyền đến Việt Nam vào khoảng thế kỷ thứ X - XI chủ yếu thông qua con đường hòa bình. Hiện nay, cộng đồng Hồi giáo Việt Nam có khoảng 75.000 tín đồ, chủ yếu theo dòng Sunni, có xu hướng ôn hòa và có những đặc điểm riêng gắn liền với lịch sử, văn hóa của người dân tộc Chăm. Tuy nhiên, Việt Nam cần có cách tiếp cận tổng thể, phù hợp và hài hòa giữa vấn đề tôn giáo và văn hóa, tránh bị lợi dụng, gây tác động xấu tới quan hệ Việt Nam và Thế giới Hồi giáo, cũng như gây mất ổn định an ninh trong quốc gia.

KẾT LUẬN

Những nội dung đã nghiên cứu trong luận án có thể được tổng kết trong những vấn đề nổi bật sau.

Thứ nhất, việc nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn cho thấy ngoại giao công chúng là một công cụ quan trọng để các quốc gia truyền đạt các chính sách, giá trị và văn hóa của mình tới công chúng ở trong và ngoài nước. Ngoại giao công chúng Mỹ gồm các mục tiêu chính: (i) quảng bá hình ảnh và uy tín của một quốc gia trên trường quốc tế; (ii) thúc đẩy sự hiểu biết và tin tưởng lẫn nhau; (iii) vận động cho các chính sách và quan điểm của một quốc gia để công chúng hiểu, thông cảm, ủng hộ; (iv) tăng cường quan hệ kinh tế và văn hóa, thu hút du lịch, đầu tư, hợp tác; (v) chống lại thông tin sai lệch và tuyên truyền.

Thứ hai, các chính sách, hoạt động ngoại giao công chúng của Mỹ trong giai đoạn 2001-2016 thể hiện rõ trong mục tiêu, chính sách, nguồn lực và cách thức triển khai các chương trình, các hoạt động ngoại giao công chúng của Mỹ hướng tới khu vực cộng đồng Hồi giáo nói riêng và công chúng khu vực Trung Đông và Bắc Phi nói chung. Ngoại giao công chúng dưới thời Tổng thống G.W. Bush mang đậm màu sắc chính trị, phục vụ công cuộc chống khủng bố, do vậy thường mang tính lý giải nhằm giải tỏa với công chúng Trung Đông và Bắc Phi về những hoạt động quân sự ở khu vực. Với Tổng thống B. Obama, tiếp nối di sản của người tiền nhiệm, tiếp tục coi trọng ngoại giao công chúng và có những chiến lược, chính sách, hành động và khéo léo hơn khi khai thác được yếu tố xuất thân của mình là người da màu, có nguồn gốc từ châu Phi và được giáo dục trong môi trường Hồi giáo tại In-đô-nê-xi-a. Ngoại giao công chúng dưới thời Tổng thống B. Obama mang tính chủ động, từng bước gây dựng lại hình ảnh trong thế giới Hồi giáo đối với nước Mỹ. Mặc dù

trong cách thức triển khai ngoại giao công chúng giữa hai tổng thống có sự khác nhau do những yếu tố khách quan và chủ quan như nhận thức nhưng tựu chung vẫn nhằm mục tiêu nhằm lan tỏa những giá trị Mỹ ra thế giới, đồng thời tạo dựng thiện cảm, sự ủng hộ của công chúng với chính sách của Mỹ. Ngoại giao công chúng của Mỹ giai đoạn 2001-2016 có những đặc điểm giống với ngoại giao công chúng nói chung trong các giai đoạn khác nhau. Cụ thể ngoại giao công chúng là một bộ phận của ngoại giao nhà nước, đồng thời mang tính toàn cầu do Mỹ là một siêu cường. Trong giai đoạn 2001-2008, ngoại giao công chúng Mỹ với khu vực Trung Đông và Bắc Phi thể hiện tính thích ứng, chuyển từ bị động, lúng túng dần sang thể chủ động và mang tính “tiên phong”, hỗ trợ đắc lực cho chính sách chống khủng bố mà Mỹ tiến hành. Với giai đoạn 2009-2016, ngoại giao công chúng Mỹ mang tính “mềm mại” trong việc tiếp cận với công chúng khu vực, đồng thời mang tính phục vụ, tăng cường cho sức mạnh thông minh của Mỹ.

Thứ ba, khi đặt ngoại giao công chúng dưới thời Tổng thống G.W Bush và Tổng thống B. Obama trong tổng thể ngoại giao công chúng Mỹ, đồng thời tìm hiểu về ngoại giao công chúng Mỹ từ 2017 đến nay cho thấy những đặc điểm lớn của loại hình ngoại giao công chúng của Mỹ. Những đặc điểm đó bao gồm việc Mỹ sử dụng ngày càng nhiều các nền tảng truyền thông xã hội và công nghệ kỹ thuật số để giao tiếp với công chúng trên khắp thế giới. Mỹ cũng nhấn mạnh phát triển quan hệ đối tác công-tư để hỗ trợ các sáng kiến ngoại giao công chúng nhất là việc hỗ trợ các sáng kiến thúc đẩy văn hóa, giá trị và lợi ích của Mỹ ra bên ngoài. Mỹ cũng chú trọng nhiều hơn đến sự tham gia của giới trẻ và thúc đẩy các cơ hội giáo dục cho giới trẻ. Bên cạnh đó, Mỹ tập trung nhiều hơn vào việc sử dụng quyền lực mềm để đạt được các mục tiêu chính sách đối ngoại của mình.

Thứ tư, từ góc nhìn ngoại giao công chúng Mỹ với khu vực Trung Đông và Bắc Phi có thể đưa ra một số hàm ý chính sách cho Việt Nam. Về quan điểm, ngoại giao văn hóa cần được tiếp tục xác định là một phương thức ngoại giao quan trọng trong thành phần ngoại giao toàn diện, hiện đại của Việt Nam. Về mục tiêu, ngoại giao văn hóa Việt Nam cũng cần đặt ra những mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể hơn trong mỗi giai đoạn, từ đó tạo điều kiện để triển khai có trọng tâm, trọng điểm hơn đối với những vấn đề, lĩnh vực, đối tác mà Việt Nam hướng tới. Về biện pháp, ngoài các biện pháp hiện nay như lồng ghép ngoại giao văn hóa trong các hoạt động của Lãnh đạo cấp cao, các hoạt động tuyên truyền, quảng bá; các hoạt động giao lưu v.v, cần khai thác thêm sự ảnh hưởng của các nhân vật nổi tiếng người Việt ở tầm khu vực, quốc tế hoặc thông qua các nhân vật nổi tiếng người nước ngoài để quảng bá, lan tỏa các thông điệp ngoại giao văn hóa của Việt Nam. Về nguồn lực, cần hợp nhất ba Chiến lược do ba cơ quan Nhà nước chủ trì liên quan tới ngoại giao văn hóa để tạo xung lực triển khai, trường hợp không thể đồng nhất thì cần có cơ chế quy định, phân vai rõ trách nhiệm để có sự phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả giữa ba cơ quan, đồng thời Bộ Ngoại giao nên là cơ quan có vai trò điều phối chung, đề xuất chiến lược và trình cấp có thẩm quyền quyết định phân công thực hiện. Về công tác đánh giá kết quả, cần xây dựng các công cụ để đánh giá về tính hiệu quả, lắng nghe phản ứng của công chúng, người dân thông qua thăm dò, phỏng vấn. v.v để từ đó định vị chính xác được hình ảnh, uy tín Việt Nam trên trường quốc tế. Ngoài ra, trong công tác ngoại giao văn hóa Việt Nam với khu vực Trung Đông và Bắc Phi cần lưu ý: Về quan điểm, cần thúc đẩy hoạt động ngoại giao văn hóa nhằm thu hẹp khoảng cách khác biệt, tạo cơ hội để nhân dân hai bên tìm hiểu, chia sẻ lẫn nhau. Về cách tiếp cận, cần nghiên cứu một cách đầy đủ, thấu đáo các yếu tố về văn hóa, thói quen, sở thích, phong tục, những điều cấm

ky. Về các giải pháp, Việt Nam cần có những chủ đề, chương trình lớn, khai thác được các thế mạnh của mình để tiếp cận với công chúng khu vực. Về nguồn lực, cần chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ am hiểu về văn hóa và biết ngôn ngữ của các nước khu vực và kêu gọi sự tham gia của các doanh nghiệp Việt Nam vì khu vực này còn nhiều dư địa hợp tác về thương mại, du lịch, đầu tư. Về ứng xử với người Hồi giáo tại Việt Nam: cần có cách tiếp cận tổng thể, phù hợp và hài hòa giữa vấn đề tôn giáo và văn hóa, tránh bị lợi dụng, gây mất ổn định.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ

1. Đào Quyền Trường, *Ngoại giao văn hóa Mỹ dưới thời Tổng thống Obama*, Tạp chí Châu Mỹ ngày nay, số 05 (242) năm 2018.
2. Đào Quyền Trường, (đồng tác giả), "*Ngoại giao văn hóa Việt Nam – Một thập kỷ hội nhập quốc tế và một số vấn đề đặt ra trong giai đoạn 2021 – 2030*", NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022.
3. Đào Quyền Trường, "*U.S. Public diplomacy in the Trump era and prospects*", Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế, số tháng 12 năm 2022.